



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THIẾT BỊ ĐIỆN**



an independent member of
**BAKER TILLY
INTERNATIONAL**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	10 - 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	12 - 40
8. Phụ lục	41 - 44

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần thiết bị điện (sau đây gọi tắt là Công ty) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần thiết bị điện là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty TNHH một thành viên thiết bị điện theo Quyết định số 0466/QĐ-BCT ngày 05 tháng 9 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Công thương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600253826, đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 12 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 31 tháng 5 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại : (84-61) 3 836 443 – 3 836 609
- Fax : (84-61) 3 836 070

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Thiết kế, chế tạo các loại máy biến thế điện, động cơ điện, các loại máy móc thiết bị điện cao áp, hạ áp và phụ tùng;
- Bán buôn các loại máy biến thế điện, động cơ điện, các loại máy móc thiết bị điện cao áp, hạ áp và phụ tùng;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại vật tư, thiết bị điện cao áp, hạ áp;
- Lắp đặt thiết bị điện cao áp, hạ áp;
- Thi công lắp đặt các công trình thiết bị điện;
- Thiết kế các công trình thiết bị điện;
- Bán lẻ các loại máy biến thế điện, động cơ điện, các loại máy móc thiết bị điện cao áp, hạ áp và phụ tùng;
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện cao áp, hạ áp;
- Cho thuê văn phòng.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Kiến Thiết	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 4 năm 2013
Ông Cao Hoàng Phát	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 4 năm 2013
Ông Nguyễn Văn Hiếu	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 4 năm 2013
Ông Phan Ngọc Thảo	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 4 năm 2013
Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 4 năm 2013
Ông Lương Văn Trường	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2015

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Vũ Thanh Hương	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2015
Ông Thái Văn Đung	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 4 năm 2013
Ông Phan Hồng Kỳ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 4 năm 2013
Ông Phạm Tuấn Anh	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Phan Ngọc Thảo	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2013
Ông Cao Hoàng Phát	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2013
Ông Nguyễn Văn Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2013
Ông Nguyễn Đức Bình	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2013
Ông Lương Văn Trường	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2015

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Phan Ngọc Thảo (từ ngày 31 tháng 5 năm 2013).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Phan Ngọc Thảo
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 8 năm 2015



**BAKER TILLY
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



Headquarters : 2 Truong Son St., W. 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0745/2015/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ 6 THÁNG ĐẦU
CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty cổ phần thiết bị điện (sau đây gọi tắt là Công ty) gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, được lập ngày 20 tháng 7 năm 2015, từ trang 06 đến trang 44 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Bùi Văn Khá - Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0085-2013-008-1

Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh - Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0327-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 8 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		777.386.087.615	634.854.679.034
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	44.257.316.388	218.186.827.565
1. Tiền	111		44.257.316.388	47.753.827.565
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	170.433.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		12.433.000.000	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	12.433.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		281.528.946.119	121.765.408.802
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	256.104.054.985	110.949.643.771
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	22.946.335.962	6.273.989.706
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	17.349.714.499	17.832.237.621
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(14.871.159.327)	(13.290.462.296)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		431.248.027.982	294.902.442.667
1. Hàng tồn kho	141	V.7	442.773.976.112	300.784.444.605
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(11.525.948.130)	(5.882.001.938)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.918.797.126	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		7.918.797.126	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		124.768.305.983	129.523.591.946
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		99.307.064	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	99.307.064	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		82.710.903.671	90.500.304.518
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	81.914.640.454	89.666.316.885
- Nguyên giá	222		233.376.643.092	231.811.375.902
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(151.462.002.638)	(142.145.059.017)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	796.263.217	833.987.633
- Nguyên giá	228		1.568.214.725	1.463.694.725
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(771.951.508)	(629.707.092)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		3.321.780.000	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	3.321.780.000	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		31.598.605.455	31.598.605.455
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	31.440.259.111	31.440.259.111
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	1.002.000.000	1.002.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(843.653.656)	(843.653.656)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		7.037.709.793	7.424.681.973
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	4.982.576.809	5.369.548.989
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.12	2.055.132.984	2.055.132.984
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		902.154.393.598	764.378.270.980

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		608.660.401.410	491.388.938.873
I. Nợ ngắn hạn	310		586.829.037.806	469.426.739.769
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	45.097.618.025	10.268.373.901
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	23.141.820.984	5.298.388.267
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	14.406.706.774	9.349.378.281
4. Phải trả người lao động	314	V.16	35.989.997.069	42.568.811.885
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	12.459.731.011	22.553.255.478
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a,b	14.314.838.661	2.713.558.212
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a,b	384.990.825.064	320.402.760.970
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.20a	55.179.477.687	54.010.392.250
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	1.248.022.531	2.261.820.525
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		21.831.363.604	21.962.199.104
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.20b	9.210.678.062	9.341.513.562
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.22	12.620.685.542	12.620.685.542



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		293.493.992.188	272.989.332.107
I. Vốn chủ sở hữu	410		293.493.992.188	272.989.332.107
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.23	120.000.000.000	120.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		120.000.000.000	120.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.23	1.549.860.247	1.549.860.247
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.23	57.362.153.403	45.330.775.374
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.23	114.581.978.538	106.108.696.486
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		47.177.318.457	106.108.696.486
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		67.404.660.081	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		902.154.393.598	764.378.270.980

Biên Hòa, ngày 20 tháng 7 năm 2015


Trần Thị Thu
Người lập biểu


Nguyễn Văn Hiếu
Kế toán trưởng


Phan Ngọc Thảo
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

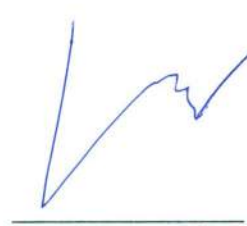
(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	847.516.197.460	763.802.708.179
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		847.516.197.460	763.802.708.179
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	680.152.292.519	614.926.088.138
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		167.363.904.941	148.876.620.041
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.737.190.936	3.821.744.583
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	8.440.928.546	9.142.167.798
Trong đó: chi phí lãi vay	23		6.266.339.837	9.133.729.798
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	46.548.630.082	47.530.937.843
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	32.864.546.505	21.946.617.954
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		83.246.990.744	74.078.641.029
11. Thu nhập khác	31	VI.7	120.012.028	1.434.461
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		120.012.028	1.434.461
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		83.367.002.772	74.080.075.490
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	15.962.342.691	16.380.783.831
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	319.129.552
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>67.404.660.081</u>	<u>57.380.162.107</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	-	-


Trần Thị Thu
Người lập biểu


Nguyễn Văn Hiếu
Kế toán trưởng

Biên Hòa, ngày 20 tháng 7 năm 2015


Phan Ngọc Thảo
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp trực tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		593.689.632.166	603.026.535.446
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(659.330.632.052)	(549.944.094.252)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(67.665.645.897)	(42.083.355.255)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(6.575.202.370)	(9.022.948.875)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(5.302.273.134)	(12.976.611.282)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		11.801.531.461	1.712.880.950
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(65.675.363.428)	(10.993.756.474)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(199.057.953.254)	(20.281.349.742)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, V.10 V.11, VII.1	(2.731.567.190)	(20.754.742.334)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2a	(12.433.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	4.679.094.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	3.621.734.673	3.680.611.670
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(11.542.832.517)	(12.395.036.664)

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

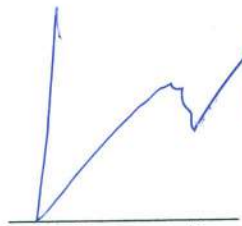
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19	415.188.161.050	366.806.725.931
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19	(350.600.096.956)	(345.496.294.936)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(27.916.789.500)	(29.163.947.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		36.671.274.594	(7.853.516.505)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(173.929.511.177)	(40.529.902.911)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	218.186.827.565	70.563.857.331
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	44.257.316.388	30.033.954.420

Biên Hòa, ngày 20 tháng 7 năm 2015


Trần Thị Thu
Người lập biểu


Nguyễn Văn Hiếu
Kế toán trưởng


Phan Ngọc Thảo
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần thiết bị điện (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, dịch vụ, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Thiết kế, chế tạo, bán buôn và bán lẻ các loại máy biến thế điện, động cơ điện, các loại máy móc thiết bị điện cao áp, hạ áp và phụ tùng; kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại vật tư thiết bị điện cao áp, hạ áp; dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, lắp đặt thiết bị điện cao áp, hạ áp; thiết kế, thi công lắp đặt các công trình thiết bị điện; cho thuê văn phòng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty cổ phần kinh doanh vật tư Thibidi	Địa chỉ: Đường số 9, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	Kinh doanh máy móc, vật tư, thiết bị điện	51%	51%	51%
Thibidi (Cambodia) Co.,Ltd.	Lô P1-003, Đặc khu kinh tế Phnom Penh, đường số 4, quận Angsnuol, tỉnh Kandal, Campuchia	Sản xuất, kinh doanh máy móc, vật tư, thiết bị điện	63,75%	63,75%	63,75%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 so sánh được với số liệu tương ứng của cùng kỳ năm trước.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 619 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 566 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các Thông tư khác hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khu công nghiệp Biên Hòa (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khu công nghiệp Biên Hòa (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 05

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

13. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm:

Dự phòng bảo hành sản phẩm

Dự phòng chi phí bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại sản phẩm có cam kết bảo hành.

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành được ước tính bằng 05% trên doanh thu của khách hàng điện lực, Thibidi Cambodia Co.,Ltd và 03% trên doanh thu của khách hàng đại lý và khách hàng lẻ. Tăng, giảm số dự phòng bảo hành sản phẩm cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí bán hàng.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên đối với thời gian không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp khi họ chấm dứt hợp đồng lao động. Dự phòng trợ cấp thôi việc được trích lập với mức bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề gần nhất tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính cho 1 năm làm việc.

Tăng, giảm số dư dự phòng trợ cấp thôi việc cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

14. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty như sau:

- Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.
- Hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ:
 - Trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Mua máy móc, thiết bị để đổi mới công nghệ trực tiếp sử dụng vào việc sản xuất sản phẩm.
 - Mua bản quyền công nghệ, quyền sử dụng, quyền sở hữu sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thông tin khoa học và công nghệ, các tài liệu, sản phẩm có liên quan để phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Trả lương, chi thuê chuyên gia hoặc hợp đồng với tổ chức khoa học và công nghệ để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Chi phí cho đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ theo qui định của pháp luật về khoa học và công nghệ.
 - Chi cho các hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.
 - Chi phí cho các hoạt động hợp tác nghiên cứu, triển khai về khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định hình thành từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ được ghi giảm quỹ tương ứng và không phải trích khấu hao.

Mức trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ bằng 10% thu nhập tính thuế trong năm theo điều lệ tổ chức và hoạt động của quỹ và được hạch toán vào chi phí. Nếu trong năm, chỉ cho hoạt động khoa học công nghệ vượt số dư hiện có tại quỹ thì khoản chi vượt được tính vào chi phí hoặc phân bổ cho các năm sau.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

23. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

3826-
TY
ÂN
NIÊN
ĐỒNG

15-C.T
TY
HỮU HẠN
TƯ VẤN
C
Ô CHÍ M

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	184.795.065	333.925.402
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (*)	44.072.521.323	47.419.902.163
Các khoản tương đương tiền	-	170.433.000.000
Cộng	44.257.316.388	218.186.827.565

(*) Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ bao gồm khoản tiền gửi tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương - Chi nhánh khu công nghiệp Biên Hòa số tiền 9.248.281.661 VND bị phong tỏa cho tới khi có quyết định cấp phép phát hành cổ phiếu của Ủy Ban chứng khoán.

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng đến dưới 01 năm.

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con				
Thibidi (Cambodia) Co.,Ltd. (i)	15.120.259.111	(843.653.656)	15.120.259.111	(843.653.656)
Công ty cổ phần kinh doanh vật tư Thibidi (ii)	16.320.000.000	-	16.320.000.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Công ty cổ phần điện cơ Hà Nội	1.002.000.000	-	1.002.000.000	-
Cộng	32.442.259.111	(843.653.656)	32.442.259.111	(843.653.656)

(i) Theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 385/BKH-ĐTRNN ngày 01 tháng 9 năm 2010 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Công ty đầu tư vào Thibidi (Cambodia) Co.,Ltd. USD 765,000 tương đương 63,75% vốn điều lệ.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000548 ngày 27 tháng 5 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, đăng ký thay đổi lần 02 ngày 31 tháng 5 năm 2013 Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần kinh doanh vật tư Thibidi 16.320.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ.

Tình hình hoạt động của các công ty con

Các công ty con đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

Số đầu năm	843.653.656
Hoàn nhập dự phòng	-
Số cuối kỳ	843.653.656

Giao dịch với các công ty con

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty cổ phần kinh doanh vật tư Thibidi		
Bán hàng	163.665.581.433	167.142.092.787
Mua vật tư	473.163.204.022	317.352.690.771
Hoa hồng bán hàng	10.402.297.527	5.958.659.843
Cổ tức nhận được	2.448.000.000	2.448.000.000
Cho thuê văn phòng	113.684.208	240.000.000
Xây dựng nhà xưởng	-	8.034.237.277
Lãi cho vay	-	27.681.267
Thibidi (Cambodia) Co., Ltd.		
Bán hàng	16.310.209.926	26.068.209.114

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan		
Thibidi (Cambodia) Co., Ltd.	37.634.145.799	38.234.047.120
Tổng Công ty cổ phần thiết bị điện Việt Nam	32.748.000	32.748.000
Công ty cổ phần kinh doanh vật tư Thibidi	-	14.902.841.242
Phải thu các khách hàng khác		
Tổng Công ty điện lực Miền Nam	113.412.919.233	4.674.670.819
Công ty điện lực Bình Thuận	24.010.560.805	-
Các khách hàng khác	81.013.681.148	53.105.336.590
Cộng	256.104.054.985	110.949.643.771

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho người bán khác		
Hyosung Corporation	5.309.966.311	88.664.625
Rusteel Trading Limited	5.281.473.795	-
Whole Shine Co., Ltd	4.704.207.770	1.356.496.590
Shuang Yeong Co., Ltd	3.259.811.701	1.202.708.092
Công ty cổ phần chế tạo điện cơ Hà Nội	2.470.551.805	-
Các nhà cung cấp khác	1.920.324.580	3.626.120.399
Cộng	22.946.335.962	6.273.989.706

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác****5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Thuế thu nhập cá nhân chi hộ người lao động	8.253.520.334	-	5.540.764.359	-
Thuế thu nhập cá nhân đang làm thủ tục hoàn	5.143.238.394	-	3.403.297.482	-
Lãi tiền gửi dự thu	-	-	1.899.605.649	-
Tạm ứng	3.795.518.236	-	6.713.870.490	-
Phải thu khác	157.437.535	-	274.699.641	-
Cộng	17.349.714.499	-	17.832.237.621	-

5b. Phải thu dài hạn khác

Ký quỹ, ký cược dài hạn.

6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Các tổ chức và cá nhân khác:						
Công ty cổ phần điện Sóng Thần_ phải thu tiền bán hàng	Trên 03 năm	2.054.418.077	-	Trên 03 năm	2.054.418.077	-
Cty TNHH XD Hải Long_ Phải thu tiền bán hàng	Trên 03 năm	2.511.834.934	-	Trên 03 năm	2.511.834.934	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	Trên 06 tháng	11.853.460.665	1.548.554.349	Trên 06 tháng	9.638.175.234	913.965.949
Cộng		16.419.713.676	1.548.554.349		14.204.428.245	913.965.949

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn	Nợ phải thu dài hạn	Cộng
Số đầu năm	(13.290.462.296)	-	(13.290.462.296)
Trích lập dự phòng bổ sung	(1.580.697.031)	-	(1.580.697.031)
Số cuối kỳ	(14.871.159.327)	-	(14.871.159.327)

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	6.892.581.938	-
Nguyên liệu, vật liệu	213.242.485.167	-	151.925.875.247	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	50.047.283.120	-	37.502.589.997	-
Thành phẩm	179.484.207.825	11.525.948.130	104.463.397.423	5.882.001.938
Cộng	442.773.976.112	11.525.948.130	300.784.444.605	5.882.001.938

Giá trị thành phẩm tồn kho có kỹ thuật không đáp ứng được thị trường, không có khả năng tiêu thụ cuối kỳ là 15.148.945.544 VND (số đầu năm là 7.494.632.932 VND).

Toàn bộ hàng tồn kho đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khu Công nghiệp Biên Hòa và Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai (xem thuyết minh số V.19a)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Số đầu năm	5.882.001.938
Trích lập dự phòng bổ sung	5.643.946.192
Số cuối kỳ	11.525.948.130

8. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí công cụ, dụng cụ còn phải phân bổ.

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	74.745.514.589	134.401.899.552	17.733.245.199	4.930.716.562	231.811.375.902
Mua trong kỳ	-	707.677.190	857.590.000	-	1.565.267.190
Số cuối kỳ	74.745.514.589	135.109.576.742	18.590.835.199	4.930.716.562	233.376.643.092
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	7.177.777.220	58.499.179.887	6.895.010.894	2.998.968.178	75.570.936.179
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	35.845.275.774	91.372.830.033	10.735.570.493	4.191.382.717	142.145.059.017
Khấu hao trong kỳ	1.758.866.618	6.539.376.219	828.365.084	190.335.700	9.316.943.621
Số cuối kỳ	37.604.142.392	97.912.206.252	11.563.935.577	4.381.718.417	151.462.002.638
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	38.900.238.815	43.029.069.519	6.997.674.706	739.333.845	89.666.316.885
Số cuối kỳ	37.141.372.197	37.197.370.490	7.026.899.622	548.998.145	81.914.640.454
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Toàn bộ tài sản cố định hữu hình đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khu Công nghiệp Biên Hòa (xem thuyết minh số V.19a).

53826
GT
PHÂN
BỊ ĐIỆN
A-T.Đ

149815
NG TY
HIỆM HỮU
N VÀ T
& C
PHỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	1.463.694.725	629.707.092	149.517.375
Tăng trong năm	104.520.000	142.244.416	
Số cuối năm	1.568.214.725	771.951.508	796.263.217

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 365.224.725 VNĐ.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Máy móc thiết bị đang trong quá trình lắp đặt, chạy thử.

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời chưa được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	2.055.132.984	2.409.738.828
Phát sinh trong kỳ	-	(319.129.552)
Số cuối kỳ	2.055.132.984	2.090.609.276

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 22% (năm trước thuế suất là 22%).

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
Công ty cổ phần kinh doanh vật tư Thibidi	12.968.303.062	-
Tổng công ty cổ phần thiết bị điện Việt Nam	-	2.001.574.300
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>		
Công ty cổ phần Ngô Han	14.630.000.000	-
GE PACIFIC Pte.Ltd-GE Industrial Systems	8.797.490.580	137.536.261
Công ty TNHH thép JFE Shoji Việt Nam	4.458.694.416	2.574.882.036
Các nhà cung cấp khác	4.243.129.967	5.554.381.304
Cộng	45.097.618.025	10.268.373.901

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>		
Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật tư Thibidi	2.864.576.000	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>		
Công ty cổ phần sản xuất và thương mại EMIC	3.197.813.371	-
Công ty TNHH thương mại xây dựng điện Phan An	2.546.960.625	-
Công ty TNHH Gain Lucky (Việt Nam)	2.544.399.084	582.858.449
Công ty TNHH thương mại và xây lắp công nghiệp Sài Gòn	2.222.725.385	449.321.350
Công ty TNHH một thành viên kỹ thuật Hoàng Long Vân	2.070.554.022	-
Các khách hàng khác	7.694.792.497	4.266.208.468
Cộng	23.141.820.984	5.298.388.267

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.448.393.087	9.621.358.447	(14.069.751.534)	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	14.988.119.699	(14.988.119.699)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	91.573.231	(91.573.231)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.179.028.169	15.962.342.691	(5.302.273.134)	13.839.097.726
Thuế thu nhập cá nhân	1.721.957.025	6.178.740.524	(7.333.088.501)	567.609.048
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Cộng	9.349.378.281	46.845.134.592	(41.787.806.099)	14.406.706.774

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	83.367.002.772	74.080.075.490
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	14.330.355.847	16.502.999.768
- Các khoản điều chỉnh giảm	(25.141.255.478)	(16.124.966.937)
Thu nhập tính thuế	72.556.103.141	74.458.108.321
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	15.962.342.691	16.380.783.831

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những qui định này thay đổi theo từng thời kỳ và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

16. Phải trả người lao động

Đơn giá tiền lương năm 2015 được tạm trích theo đơn giá tiền lương của năm 2014 theo Quyết định số 562/QĐ-HĐQT ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thiết bị điện căn cứ vào đơn giá theo sản lượng sản phẩm hoàn thành nhập kho trong kỳ. Đơn giá tiền lương tạm trích này có thể sẽ thay đổi vào cuối năm theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thiết bị điện.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
Công ty cổ phần kinh doanh vật tư Thibidi_hoa hồng phải trả	1.543.228.295	3.378.738.111
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Công ty TNHH xây lắp điện Hưng Thịnh Phát_hoa hồng phải trả	1.525.327.635	1.464.758.418
Công ty TNHH thương mại xây dựng Điện Phan An_hoa hồng phải trả	1.505.531.815	1.391.974.621
Công ty TNHH thương mại và xây lắp công nghiệp Sài Gòn_hoa hồng phải trả	1.029.572.700	1.161.886.838
Chi phí hoa hồng phải trả	5.448.570.566	14.199.230.682
Chi phí lãi vay phải trả	-	308.862.533
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.407.500.000	647.804.275
Cộng	12.459.731.011	22.553.255.478

18. Phải trả ngắn hạn khác

18a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>		
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	1.078.968.869
Kinh phí công đoàn	1.348.355.209	1.345.245.559
Bảo hiểm xã hội	929.113.732	-
Bảo hiểm thất nghiệp	229.195.906	141.394.883
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.138.085.019	54.874.519
Cổ đông nộp tiền mua cổ phiếu	9.248.281.661	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	421.807.134	93.074.382
Cộng	14.314.838.661	2.713.558.212

18b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**19a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác				
Vay ngắn hạn ngân hàng	384.990.825.064	384.990.825.064	320.290.066.429	320.290.066.429
Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khu công nghiệp Biên Hòa ⁽ⁱ⁾	300.191.893.466	300.191.893.466	278.592.351.389	278.592.351.389
Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai ⁽ⁱⁱ⁾	84.798.931.598	84.798.931.598	41.697.715.040	41.697.715.040
Vay ngắn hạn các cá nhân khác	-	-	112.694.541	112.694.541
Cộng	384.990.825.064	384.990.825.064	320.402.760.970	320.402.760.970

(i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khu Công nghiệp Biên Hòa với lãi suất từng thời điểm nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định và hàng tồn kho (Xem thuyết minh số V.7 và thuyết minh số V.9).

(ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai với lãi suất từng thời điểm nhận nợ, thời hạn vay từ 04 đến 06 tháng để bổ sung vốn lưu động.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	320.290.066.429	415.188.161.050	(350.487.402.415)	384.990.825.064
Vay ngắn hạn các cá nhân	112.694.541	-	(112.694.541)	-
Cộng	320.402.760.970	415.188.161.050	(350.600.096.956)	384.990.825.064

19b. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

20. Dự phòng phải trả ngắn hạn/dài hạn**20a. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến việc bảo hành sản phẩm được bán. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	54.010.392.250
Tăng do trích lập	1.169.085.437
Số cuối kỳ	55.179.477.687

20b. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng nợ phải trả dài hạn liên quan đến trợ cấp mất việc làm của người lao động. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	9.341.513.562
Số sử dụng	(130.835.500)
Số cuối kỳ	9.210.678.062

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty chỉ có quỹ khen thưởng. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	2.261.820.525
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	16.900.000.000
Chi quỹ	(17.913.797.994)
Số cuối kỳ	1.248.022.531

22. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ trong kỳ không phát sinh tăng giảm.

23. Vốn chủ sở hữu

23a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 1 đính kèm.

23b. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.000.000	12.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.000.000	12.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.000.000	12.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.000.000	12.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.000.000	12.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

23c. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 số 62/2015/NQ-ĐHCĐ/TBĐ ngày 15 tháng 04 năm 2015 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	30.000.000.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	12.031.378.029
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	16.900.000.000
Cộng	58.931.378.029

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	279,072.76	406,091.26
Euro (EUR)	2,800.00	2,800.00
Dollar Úc (AUD)	2,250.00	250.00

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán thành phẩm	747.239.733.048	602.378.935.267
Doanh thu bán vật tư	98.171.023.065	157.512.949.248
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.105.441.347	3.910.823.664
Cộng	847.516.197.460	763.802.708.179

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.2b Công ty chỉ phát sinh giao dịch bán hàng với Công ty cổ phần vật tư và xây dựng Hà Nội là 590.420.000 VND.

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	584.111.999.434	461.574.836.293
Giá vốn của vật tư đã cung cấp	90.396.346.893	152.222.250.013
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	1.129.001.832
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	5.643.946.192	-
Cộng	680.152.292.519	614.926.088.138

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.033.734.673	1.004.930.403
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	108.794.389	123.674.834
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.588.000.000	2.648.000.000
Lãi tiền cho vay	-	27.681.267
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	6.661.874	17.458.079
Cộng	3.737.190.936	3.821.744.583

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	6.266.339.837	9.133.729.798
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	2.174.588.709	8.438.000
Cộng	8.440.928.546	9.142.167.798

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	11.350.685.785	5.323.936.424
Chi phí khấu hao tài sản cố định	828.365.084	303.341.673
Dự phòng bảo hành sản phẩm	1.169.085.437	-
Chi phí chiết khấu bán hàng	24.838.816.560	32.047.768.948
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.704.599.068	3.180.851.943
Các chi phí khác	4.657.078.148	6.675.038.855
Cộng	46.548.630.082	47.530.937.843

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	14.196.456.463	6.829.237.733
Chi phí đồ dùng văn phòng	959.741.873	1.182.193.431
Chi phí khấu hao tài sản cố định	776.893.108	855.397.539
Thuế, phí và lệ phí	430.710.759	370.250.250
Dự phòng phải thu khó đòi	1.580.697.031	1.902.504.110
Hoàn nhập dự phòng trợ cấp thôi việc	(130.835.500)	(319.129.552)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.627.838.759	1.503.699.685
Các chi phí khác	6.423.044.012	9.622.464.758
Cộng	32.864.546.505	21.946.617.954

7. Thu nhập khác

Thu nhập khác.

8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	594.457.596.026	389.720.003.424
Chi phí nhân công	66.066.465.126	48.036.066.042
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.459.188.037	8.985.460.724
Chi phí dịch vụ mua ngoài	39.435.651.521	39.040.878.186
Chi phí khác	27.172.986.876	24.803.324.080
Cộng	736.591.887.586	510.585.732.456

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Các giao dịch không bằng tiền

Năm trước Công ty đã ứng trước tiền mua một số tài sản cố định số tiền 2.260.000.000 VND.

2. Các khoản tiền và tương đương tiền Công ty đang nắm giữ nhưng không được sử dụng

Khoản tiền gửi tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương - Chi nhánh khu công nghiệp Biên Hòa số tiền 9.248.281.661 VND bị phong tỏa cho tới khi có quyết định cấp phép phát hành cổ phiếu của Ủy Ban chứng khoán (xem thuyết minh số V.1).

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong kỳ là 1.466.644.734 VND (cùng kỳ năm trước là 1.135.829.086 VND).

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác

Tổng Công ty cổ phần thiết bị điện Việt Nam

Công ty cổ phần kinh doanh vật tư Thibidi
Thibidi (Cambodia) Co.,Ltd.

Công ty cổ phần vật tư và xây dựng Hà Nội

Mối quan hệ

Cổ đông Nhà nước nắm giữ 65,16% cổ phần

Công ty con

Công ty con

Tổng Công ty cổ phần thiết bị điện Việt Nam góp vốn liên doanh

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Giao dịch phát sinh với các công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b. Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Tổng Công ty cổ phần thiết bị điện Việt Nam</i>		
Mua vật tư, hàng hóa	6.859.653.200	8.921.972.000
Cổ tức phải trả	19.548.160.000	19.548.160.000
<i>Công ty cổ phần vật tư và xây dựng Hà Nội</i>		
Bán hàng	590.420.000	-
Mua hàng	244.440.000	-

Cam kết bảo lãnh

Công ty bảo đảm trả nợ cho khoản vay của Công ty cổ phần kinh doanh vật tư Thibidi (bên được bảo lãnh) tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương - Chi nhánh Đồng Nai với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này tối đa là 50 tỷ VND.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp, với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất máy biến thế 01 pha.
- Lĩnh vực sản xuất máy biến thế 03 pha.
- Các lĩnh vực khác.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được trình bày ở Phụ lục 2 đính kèm từ trang 42 đến trang 44.

3. Số liệu so sánh

3a. Áp dụng chế độ kế toán mới

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh theo qui định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

SEPH
CÔNG
ÔNG
ÉT
ĐA-

3300
CỎ
CH NH
M TOÁ
A
INH-T

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3b. Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới

Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới, thay đổi trong chính sách kế toán đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính giữa niên độ như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ				
Phải thu ngắn hạn khác	136	11.118.136.471	6.714.101.150	17.832.237.621
Tài sản ngắn hạn khác	155	6.714.101.150	(6.714.101.150)	-
Quỹ đầu tư phát triển	418	23.865.099.744	21.465.675.630	45.330.775.374
Quỹ dự phòng tài chính		21.465.675.630	(21.465.675.630)	-

4. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

4a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Công ty có rủi ro tín dụng tập trung liên quan đến Tổng Công ty điện lực Miền Nam với số dư nợ tại ngày kết thúc kỳ kế toán chiếm 44,5% tổng số dư nợ phải thu (số đầu năm chiếm 4,2%). Các khách hàng khác có số dư dưới 10% tổng số dư nợ phải thu nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu của các khách hàng này là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ					
Tiền và các khoản tương đương tiền	44.257.316.388	-	-	-	44.257.316.388
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	12.433.000.000	-	-	-	12.433.000.000
Phải thu khách hàng	240.193.707.798	-	-	15.910.347.187	256.104.054.985
Các khoản phải thu khác	99.307.064	-	-	-	99.307.064
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	1.002.000.000	-	-	-	1.002.000.000
Cộng	297.985.331.250	-	-	15.910.347.187	313.895.678.437
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	218.186.827.565	-	-	-	218.186.827.565
Phải thu khách hàng	96.745.215.527	-	-	14.204.428.244	110.949.643.771
Các khoản phải thu khác	1.899.605.649	-	-	-	1.899.605.649
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	1.002.000.000	-	-	-	1.002.000.000
Cộng	317.833.648.741	-	-	14.204.428.244	332.038.076.985

4b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	384.990.825.064	-	-	384.990.825.064
Phải trả người bán	45.097.618.025	-	-	45.097.618.025
Các khoản phải trả khác	12.459.731.011	-	-	12.459.731.011
Cộng	442.548.174.100	-	-	442.548.174.100
Số đầu năm				
Vay và nợ	320.402.760.970	-	-	320.402.760.970
Phải trả người bán	10.268.373.901	-	-	10.268.373.901
Các khoản phải trả khác	22.553.255.478	-	-	22.553.255.478
Cộng	353.224.390.349	-	-	353.224.390.349

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

4c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ USD của Công ty như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	279.072,76	406.091,26
Phải thu khách hàng	1.754.482,00	1.788.560,20
Phải trả người bán	(411.540,00)	(128.848,50)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	1.622.014,76	2.065.802,96

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do nợ thuần ngoại tệ có giá trị nhỏ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	170.433.000.000
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	12.433.000.000	-
Vay và nợ	(384.990.825.064)	(320.402.760.970)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần	(372.557.825.064)	(149.969.760.970)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 02% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Công ty sẽ giảm/tăng 7.451.156.501 VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 2.774.440.578 VND).

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá nguyên vật liệu.

4d. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	44.257.316.388	218.186.827.565	44.257.316.388	218.186.827.565
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	12.433.000.000	-	12.433.000.000	-
Phải thu khách hàng	256.104.054.985	110.949.643.771	241.232.895.658	97.659.181.475
Các khoản phải thu khác	99.307.064	1.899.605.649	99.307.064	1.899.605.649
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	1.002.000.000	1.002.000.000	1.002.000.000	1.002.000.000
Cộng	313.895.678.437	332.038.076.985	299.024.519.110	318.747.614.689
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	384.990.825.064	320.402.760.970	384.990.825.064	320.402.760.970
Phải trả người bán	45.097.618.025	10.268.373.901	45.097.618.025	10.268.373.901
Các khoản phải trả khác	12.459.731.011	22.553.255.478	12.459.731.011	22.553.255.478
Cộng	442.548.174.100	353.224.390.349	442.548.174.100	353.224.390.349

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 03 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

6. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 06/2015/NQ-ĐHCD/TBD ngày 15 tháng 4 năm 2015 của Công ty cổ phần thiết bị điện, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 120 tỷ VND lên 180 tỷ VND nhằm bổ sung vốn kinh doanh cho Công ty với phương thức phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu 6.000.000 cổ phần với giá chào bán là 12.000 VND/cổ phần theo tỷ lệ 2:1 (cổ đông có tên tại ngày chốt danh sách sở hữu 02 cổ phần được quyền mua 01 cổ phần mới).

Theo Công văn số 4444/UBCK-QLPH ngày 14 tháng 7 năm 2015, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã nhận được Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng số 373/TBD-BC.UBCK ngày 10 tháng 7 năm 2015 của Công ty cổ phần thiết bị điện. Số lượng cổ phiếu chào bán thành công là 6.000.000 cổ phiếu.

Sau đợt phát hành cổ phiếu bổ sung, tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty cổ phần thiết bị điện Việt Nam trong Công ty cổ phần thiết bị điện giảm từ 65,16% xuống còn 43,44%.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2015 ngày 27 tháng 6 năm 2015 của Công ty cổ phần kinh doanh vật tư Thibidi, Đại hội cổ đông đã thông qua phương án phát hành 800.000 cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 32 tỷ VND lên thành 40 tỷ VND.

Sau đợt phát hành cổ phiếu bổ sung, tỷ lệ sở hữu của Công ty cổ phần thiết bị điện trong Công ty cổ phần kinh doanh vật tư Thibidi giảm từ 51% xuống còn 40,8%.

Biên Hòa, ngày 20 tháng 7 năm 2015


Trần Thị Thu
Người lập biểu


Nguyễn Văn Hiếu
Kế toán trưởng


Phan Ngọc Thảo
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Phụ lục 1: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	120.000.000.000	1.549.860.247	37.520.816.003	72.989.468.994	232.060.145.244
Lợi nhuận kỳ trước	-	-	-	57.380.162.107	57.380.162.107
Trích lập các quỹ	-	-	7.809.959.371	(17.089.959.371)	(9.280.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(30.000.000.000)	(30.000.000.000)
Số dư cuối kỳ trước	120.000.000.000	1.549.860.247	45.330.775.374	83.279.671.730	250.160.307.351
Số dư đầu năm nay	120.000.000.000	1.549.860.247	45.330.775.374	106.108.696.486	272.989.332.107
Lợi nhuận kỳ này	-	-	-	67.404.660.081	67.404.660.081
Trích lập các quỹ	-	-	12.031.378.029	(28.931.378.029)	(16.900.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(30.000.000.000)	(30.000.000.000)
Số dư cuối kỳ này	120.000.000.000	1.549.860.247	57.362.153.403	114.581.978.538	293.493.992.188

Trần Thị Thu
Người lập biểu

Nguyễn Văn Hiếu
Kế toán trưởng



Biên Hòa, ngày 20 tháng 7 năm 2015

Phan Ngọc Thảo
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Phụ lục 2: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Máy biến thế 1 pha	Máy biến thế 3 pha	Các lĩnh vực khác	Cộng
Kỳ này				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	250.361.016.839	496.878.716.209	100.276.464.412	847.516.197.460
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	250.361.016.839	496.878.716.209	100.276.464.412	847.516.197.460
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	64.978.008.428	95.023.368.280	7.362.528.233	167.363.904.941
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(79.413.176.587)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				87.950.728.354
Doanh thu hoạt động tài chính				3.737.190.936
Chi phí tài chính				(8.440.928.546)
Thu nhập khác				120.012.028
Chi phí khác				-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(15.962.342.691)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				67.404.660.081
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	-	-
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	-	-	-
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Máy biến thế 1 pha	Máy biến thế 3 pha	Các lĩnh vực khác	Cộng
Kỳ trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	182.630.804.950	419.557.870.317	161.614.032.912	763.802.708.179
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	182.630.804.950	419.557.870.317	161.614.032.912	763.802.708.179
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	53.985.839.998	82.835.013.683	12.055.766.360	148.876.620.041
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(69.477.555.797)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				79.399.064.244
Doanh thu hoạt động tài chính				3.821.744.583
Chi phí tài chính				(9.142.167.798)
Thu nhập khác				1.434.461
Chi phí khác				-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(16.380.783.831)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(319.129.552)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				57.380.162.107
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	-	-
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	-	-	-
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-


Trần Thị Thu
Người lập biểu

Nguyễn Văn Hiếu
Kế toán trưởng

Biên Hòa, ngày 20 tháng 7 năm 2015

Phan Ngọc Thảo
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Phụ lục 2: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<u>Máy biến thế 1 pha</u>	<u>Máy biến thế 3 pha</u>	<u>Các lĩnh vực khác</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				902.154.393.598
Tổng tài sản				<u><u>902.154.393.598</u></u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				608.660.401.410
Tổng nợ phải trả				<u><u>608.660.401.410</u></u>
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				764.378.270.980
Tổng tài sản				<u><u>764.378.270.980</u></u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				491.388.938.873
Tổng nợ phải trả				<u><u>491.388.938.873</u></u>


Trần Thị Thu
Người lập biểu

Nguyễn Văn Hiếu
Kế toán trưởng

Biên Hòa, ngày 20 tháng 7 năm 2015

Phan Ngọc Thảo
Tổng Giám đốc